| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẦU KÈ**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày: 29-02-2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chí Điền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Lễ Nghi;

Bà Trần Thị Thúy Phượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại hai điểm cầu gồm điểm cầu trung là Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè và điểm cầu thành phần là Trụ sở Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2024/HSST ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

**Phạm Văn P**, sinh ngày 01/01/1969, tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1942; Có vợ là Phạm Thị Bé H, sinh năm 1969 (đã ly hôn) và một người con tên Phạm Lô T, sinh năm 1991 (đã chết); Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Ngày 28/12/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định khởi tố bị can, bị cáo tại ngoại từ đầu cho đến nay (có mặt).

*- Bị hại:*

1. Ông Phan Văn G, sinh năm 1965 (vắng có đơn);
2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1964 (vắng có đơn);
3. Ông Ngô Văn B, sinh năm 1959 (vắng có đơn);
4. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1960 (vắng có đơn);
5. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1986 (vắng có đơn);

6. Bà Phạm Thị Mai X, sinh năm 1987 (vắng có đơn).

Tất cả cùng nơi cư trú: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Điền T, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bị cáo Phạm Văn P đi làm thuê tại tỉnh B, ngày 28/01/2022 bị cáo về nhà tại Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh để nghỉ tết Nguyên đán. Khi về đến nhà bị cáo nhìn thấy võ tàu (chiếc ghe bằng gỗ) của gia đình ông Phan Văn G và bà Phan Thị Thúy cư trú cùng ấp (ông G là chồng của bà T, là anh rể của bị cáo) đang để trên phần đất phía sau nhà của mình nên bị cáo yêu cầu gia đình ông G di chuyển võ tàu đi nơi khác để bị cáo thuê máy cuốc đấp bờ bao xung quanh không cho nước ngập vào nhà thì gia đình ông G đồng ý.

Khoảng 19 giờ ngày 10/02/2022, bị cáo P đi uống rượu về thì nhìn thấy võ tàu của gia đình ông G vẫn chưa được di chuyển đi nơi khác nên bị cáo tức giận. Lúc này, bị cáo đi qua nhà ông G yêu cầu di chuyển võ tàu đi nơi khác thì gặp bà T và bà T nói *"ngày mai anh tư (ông G) dời đi nơi khác"*. Bị cáo P không đồng ý và nói phải di chuyển võ tàu đi liền nếu không sẽ đốt thì bà T nói *"mày muốn làm gì cứ làm"*. Nghe vậy, bị cáo đi về nhà lấy một bó lá dừa châm lửa đốt cháy rồi ném bó lá dừa vào bên trong phần mũi võ tàu làm võ tàu bốc cháy. Thời điểm này bên trong võ tàu có để các ngư cụ dùng đánh bắt thủy sản bà Huỳnh Thị M và bà Phạm Thị Mai X cùng cư trú Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh gồm 46 cái mười hai của ngục, 01 dàn đăng. Hậu quả làm võ tàu của gia đình ông G bị cháy hơn nữa thân tàu, các ngư cụ đánh bắt thủy sản để trên võ tàu bị thêu rụi hoàn toàn chỉ còn lại khung sắt (Bút lục: 95-96).

Đối với võ tàu được gia đình ông G mua lại của người khác vào năm 2011 với số tiền khoảng 10.000.000 đồng. Sử dụng đến năm 2019 thì võ tàu bị hư hỏng không còn sử dụng được nên gia đình ông G kéo lên bờ và để phía sau nhà bị cáo P để sửa chữa, sử dụng lại. Thời điểm để võ tàu trên phần đất của bị cáo P, gia đình ông G không có hỏi bị cáo vì bị cáo đi làm thuê không có nhà (Bút lục: 64-65, 66-67).

Qua làm việc với bà M xác định đối với các ngư cụ dùng đánh bắt thủy sản bị thêu rụi thì có của bà là 26 cái mười hai của ngục và 01 dàn đăng. Tài sản trên được bà mua vào tháng 3/2021 với tổng số tiền 4.360.000 đồng. Khi mua về sử dụng được 04 ngày thì nghỉ do nước kém (đánh bắt thủy sản dựa theo con nước) và dịch Covid-19 bùng phát. Sau đó, bà M có đến gặp và hỏi bà T cho để các cửa ngục và giàn đăng vào võ tàu thì bà T đồng ý. Đối với 20 cửa ngục bị thiệt hại được bà Xuân mua vào tháng 3/2021 với tổng số tiền 3.000.000 đồng, sau khi sử dụng bà Xuân có gửi để trên võ tàu của gia đình bà T (Bút lục: 74-75, 82-83).

Kết quả định giá tài sản số: 10/BKL-HĐĐG ngày 24/6/2022 và số: 34/BKL-HĐĐG ngày 26/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện

Cầu Kè xác định tài thời điểm bị thiệt hại võ tàu bằng gỗ có giá trị 1.000.000 đồng; 20 cửa ngục có giá trị 2.400.000 đồng; 26 cửa ngục có giá trị 2.288.000 đồng và 01 dàn đăng có giá trị 1.000.000 đồng. Như vậy, tài sản bị thiệt hại có tổng giá trị 6.688.000 đồng.

** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật; xử lý vật chứng:*

Quá trình khám nghiệm hiện trường, nhận thấy võ tàu cùng các ngư cụ dùng đánh bắt thủy sản đã bị hư hỏng nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ và bàn giao lại cho bị hại (Bút lục 43-44).

** Trách nhiệm dân sự:*

- Bị hại Phan Văn G và Phạm Thị T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại (Bút lục 127).

- Bị cáo đã khắc phục số tiền 1.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị M và 1.500.000 đồng cho bà Phạm Thị Mai X. Sau khi nhận tiền khắc phục, bà M và bà Xuân không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-HS ngày 01/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Phạm Văn P về tội *"Hủy hoại tài sản"* theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Văn P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng thể hiện là đúng và không bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung Cáo trạng.

Phần tranh luận Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn P phạm tội *"Hủy hoại tài sản"* theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 178; Điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và gia đình giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên đề nghị không xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn P có ý kiến tranh luận: Không có.

Bị cáo Phạm Văn P nói lời sau cùng: Bị cáo im lặng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt tất cả các bị hại nhưng họ đều có đơn xin xét xử vắng mặt và người làm chứng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 292 và 293 của Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của các bị hại. Đối với người làm chứng vắng mặt nhưng quá trình điều tra người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Văn P đã thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng đã mô tả, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Phạm Văn P đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Phan Văn G và bà Phạm Thị Thuý di chuyển võ tàu bằng gỗ ra khỏi phần đất của gia đình bị cáo thuộc Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh để bị cáo thuê máy cuốc đấp bờ bao xung quanh không cho nước ngập vào nhà nhưng gia đình ông G hứa sẽ di dời võ tàu nhưng chưa di dời đi nơi khác. Tức giận, khoảng 19 giờ ngày 10/02/2022 bị cáo châm lửa đốt cháy bó lá dừa rồi ném bó lá dừa đang cháy vào bên trong phần mũi của võ tàu. Hậu quả làm võ tàu bị hư hỏng hơn nữa thân tàu, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi đốt võ tàu của ông G và bà T thì trên võ tàu có để 46 ngư cụ đánh bắt thủy sản (loại 12 cửa ngục) và 01 dàn đăng của bà Huỳnh Thị M và bà Phạm Thị Mai X. Hậu quả làm võ tàu bị hư hỏng hơn nữa thân tàu, các dụng cụ dùng đánh bắt thủy sản bị thêu rụi hoàn toàn không thể sử dụng được. Kết quả định giá tài sản xác định võ tàu cùng các ngư cụ đánh bắt thủy sản tại thời điểm bị thiệt hại có giá trị 6.688.000 đồng.

Xét thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Phạm Văn P về tội *"Hủy hoại tài sản"* theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ và trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử. Thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định và hành vi này nên các quyết định và hành vi này đều hợp pháp. Về những chứng cứ, tài liệu do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập là hợp pháp.

[4] Xét tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi hủy hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Lẽ ra khi bị cáo đã nhiều lần yêu cầu bị hại là ông G và bà T di dời võ tàu đi nơi khác nhưng họ chưa thực hiện thì bị cáo phải bình tĩnh, cư xử đúng chuẩn mực để giải quyết nhưng chỉ vì nhất thời tức giận, không kiềm chế được bản thân nên bị cáo đã thực hiện hành vi đốt cháy tài sản của bị hại gây thiệt hại có tổng giá trị thành tiền là 6.688.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo thể hiện sự thiếu tôn trọng pháp luật và các quy định tại địa phương nơi bị cáo cư trú, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội *"Hủy hoại tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Với tính chất của vụ án, mức độ phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành một công dân có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho phía bị hại; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết xử phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Đồng thời giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh và gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong nên không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Bản luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[10] Bị cáo, các bị hại được kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn P phạm tội *"Hủy hoại tài sản"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; Các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn P cho Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo Phạm Văn P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Phạm Văn P.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn P.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn P nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn P được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Chí Điền**